

Một số chiến lược khuyến khích sinh viên không chuyên tiếng Anh tự học tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Phạm Thị Vân Anh

ThS. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Received: 7/5/2024; Accepted: 13/5/2024; Published: 22/5/2024

Abstract: The article examines the idea of personalized learning as it relates to the teaching process and how it can improve student autonomy, and offers some brief, helpful advice on how to implement it. thought in the classroom. Classroom activities designed around these concepts can improve student autonomy such as group activities, projects or tasks, and discussions. Several autonomous learning strategies will be identified, then discussed how to apply them to non-English major students at Hanoi University of Education.

Keywords: Learner autonomy; autonomous learning; individualized learning.

1. Đặt vấn đề

Các nhà nghiên cứu, nhà giáo dục và giảng viên (GV) ngôn ngữ từ khắp nơi trên thế giới rất quan tâm đến cách giúp sinh viên (SV) trở thành SV ngôn ngữ chủ động hơn. Để khuyến khích động lực của SV và bồi dưỡng tính chủ động trong việc học ngôn ngữ, rất nhiều thay đổi đã được ghi nhận trong suốt lịch sử học ngôn ngữ liên quan đến phương pháp giảng dạy, chính sách, thực hành, đánh giá và kiểm tra ngôn ngữ cũng như các chủ đề liên quan khác. SV dường như phụ thuộc quá nhiều vào GV của họ trong môi trường Việt Nam, vì GV và SV dạy học ngoại ngữ đã quen với các phương pháp truyền thống, do đó SV Việt Nam gặp khó khăn trong việc đạt được trình độ ngôn ngữ và sự tự tin cần thiết để giao tiếp trong các tình huống liên quan đến sử dụng ngôn ngữ đặc biệt là ngôn ngữ tiếng Anh. Cách mạng Công nghiệp 4.0 giới thiệu một mô hình giáo dục mới được gọi là “học tập suốt đời”, cho phép SV tự do lựa chọn tài liệu khóa học và phong cách giảng dạy, thiết lập mục tiêu riêng và tự đánh giá kết quả học tập của mình. Do đó, học tập độc lập được coi là một kỹ năng quan trọng đối với SV, đặc biệt là những SV học ngôn ngữ. Các lớp học lấy SV làm trung tâm, trong đó SV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập để tiếp thu kiến thức và đánh giá kết quả học tập của mình, đã dần thay thế các lớp học truyền thống (GV làm trung tâm). Là GV dạy tiếng Anh tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, với mục tiêu nâng cao khả năng chủ động học tập của SV, tác giả đề xuất một số chiến lược chủ động giúp SV phát huy khả năng tự học của mình.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tính chủ động của sinh viên

Tính chủ động của SV là khả năng điều chỉnh việc

học của chính mình vào cuối những năm 1980, thu hút sự chú ý của các nhà nghiên cứu và thực hành trên toàn thế giới [1]. Trong 30 năm qua, tính chủ động trong học tập đã trở nên phổ biến trong việc giảng dạy ngôn ngữ với sự nghiên cứu sâu rộng trong nước và quốc tế.

Định nghĩa về tính chủ động của SV đã phát triển trong thế kỷ 21 do những tiến bộ công nghệ, những cân nhắc về kinh tế, xã hội và khác với các định nghĩa trước đó. Tính chủ động của SV được thừa nhận rộng rãi là sự thay đổi quan trọng nhất trong phương pháp giảng dạy ngôn ngữ, bất kể có nhiều định nghĩa như thế nào.

“Năng lực và sự sẵn sàng hành động” là một định nghĩa về tính chủ động của SV thường được sử dụng. Là một cá nhân có ý thức xã hội, bạn có thể làm việc cả cá nhân và cộng tác [2, tr102].

Một định nghĩa khác về tính chủ động của SV là “thái độ đối với việc học trong đó SV sẵn sàng nhận trách nhiệm về việc học của chính mình. Tính chủ động SV được mô tả là “khả năng tách rời, phản ánh phê phán, ra quyết định và hành động độc lập” Little (1991) [2, tr4].

Benson (2001) định nghĩa tính chủ động của SV là “chịu trách nhiệm về việc học của chính mình” hoặc “tự quản lý việc học” [3].

2.2. Tầm quan trọng tính chủ động của sinh viên

Theo Smith (2008), để giúp SV học tập hiệu quả và tự do hơn, một trong những mục tiêu giáo dục là hỗ trợ việc học tập chủ động của SV [5]. Lượng thời gian dành cho các hoạt động trong lớp được xác định bởi quy mô lớp học, điều này cản trở SV học ngôn ngữ thành công. Để SV có thể tự lập cả trong và ngoài lớp học, SV phải được khuyến khích lập kế hoạch học tập

và phương pháp học tập của riêng mình.

Ngoài ra, tính chủ động của SV trong việc tiếp thu ngôn ngữ cho phép SV học hỏi từ những sai lầm và chiến thắng của mình, điều này sẽ giúp họ trở nên thành thạo hơn trong tương lai (Crabbe, 1993).

Umeda (2000, được tham khảo trong Onozawa, 2010) khẳng định rằng, tính chủ động học tập thúc đẩy sự phát triển năng lực suốt đời để thích ứng nhanh chóng với những thay đổi trong nền kinh tế, xã hội và công nghệ; hỗ trợ năng lực học tập độc lập của SV; mở rộng phạm vi nền tảng giáo dục và văn hóa trong SV. Do đó, việc khuyến khích SV “xác định mục tiêu, xác định nội dung, tiến trình, lựa chọn phương pháp và kỹ thuật, giám sát quá trình tiếp thu và đánh giá những gì đã tiếp thu” là cần thiết để khuyến khích tính chủ động của SV (Holec, 1981).

2.3. Một số chiến lược đề xuất nhằm phát huy tính chủ động của sinh viên không chuyên tiếng Anh Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

2.3.1. Đặt ra các mục tiêu rõ ràng, phù hợp với ngữ cảnh cho SV và cung cấp cho SV các tiêu chí để đánh giá mục tiêu. SV cần đóng vai trò tích cực trong việc thiết lập các mục tiêu phù hợp với sở thích và trình độ của mình

Ví dụ, GV và SV xem xét kỹ các mục tiêu chính xác của hoạt động học tập một cách có phương pháp trước khi bắt đầu chương trình. GV và SV có thể thảo luận và liên hệ các mục tiêu chung của chương trình giảng dạy với bối cảnh cá nhân của SV như trình độ thành thạo của SV. Vì chương trình giảng dạy đề cập đến những mục tiêu này cho lớp học. Mức độ học tập sẽ rất quan trọng đối với tính chủ động của SV nếu đặt mục tiêu quá thấp hoặc quá cao, SV có thể bị choáng ngợp và không nhận ra những trở ngại cần thiết để phát triển khả năng tự học của mình. Các mục tiêu cũng cần được xác định rõ ràng, với các hoạt động có cấu trúc rõ ràng và một kế hoạch thiết kế vững chắc.

Theo Nunan (2003), việc hướng dẫn rõ ràng cho SV về mục tiêu học tập là một phương pháp hỗ trợ tính tự học của SV: “Rõ ràng là để mục tiêu được rõ ràng hơn, SV phải tham gia vào việc thiết kế kế hoạch học tập để đạt được mục tiêu của riêng mình” Điều này ngụ ý rằng để tối ưu hóa kết quả học tập của mình, SV phải chủ động lựa chọn các hoạt động và nguồn tài liệu học tập tốt nhất. Các mục tiêu cá nhân cũng cần được xem xét thường xuyên để định hướng. Để giúp SV duy trì động lực và sự tham gia, GV có thể khuyến khích SV đánh giá các mục tiêu cá nhân của riêng mình. SV có thể đánh giá bản thân liên quan đến mục tiêu của mình bằng nhiều phương pháp khác nhau, bao gồm thông qua hồ sơ SV, nhật ký học tập, nhật ký và

danh mục đầu tư, cũng như thông qua đo lường kết quả. Những hồ sơ đánh giá này có thể cung cấp cho SV quá trình học tập của SV, thể hiện nỗ lực, sự phát triển, thành tích của SV và cần thiết để tự đánh giá.

Ví dụ, trong tuần đầu tiên, SV được hỗ trợ tạo nhật ký học tập của riêng mình và có cơ hội xác định mục tiêu và nhu cầu học tập của mình. Nhật ký học tập này được đánh giá vào giữa hoặc cuối khóa học. SV có thể phản ánh quá trình học tập của mình thông qua việc tự đánh giá thường xuyên trong nhật ký học tập của mình.

2.3.2. Sinh viên chỉ tự học nếu có động lực

Theo Jingnan (2011), động lực được cho là một trong những yếu tố quyết định trong việc thúc đẩy tính chủ động của SV. Theo Jingnan, SV cần có động lực cao để đảm nhận trách nhiệm nội tại đối với việc học của mình, bao gồm việc đặt mục tiêu, lập giáo án, lựa chọn chiến lược giảng dạy và đánh giá quá trình học tập. Do đó, điều quan trọng đối với các nhà giáo dục, đặc biệt là trong bối cảnh học ngoại ngữ, là phải thúc đẩy động lực của SV để trao quyền cho họ tham gia vào quá trình học tập tự chủ.

Theo Prat và cộng sự (2002), động lực là một yếu tố hỗ trợ SV tự định hướng. Vì vậy, trước khi giao nhiều nhiệm vụ nhằm phát huy tính chủ động trong việc tiếp thu ngôn ngữ, GV cần đảm bảo SV của mình có đủ động lực để tham gia và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, việc kích hoạt năng lực học tập độc lập của họ sẽ đơn giản hơn khi các nhà giáo dục có thể nuôi dưỡng động lực của SV, đặc biệt là động lực bên trong của SV.

2.3.3. Việc tích hợp công nghệ vào dạy và học sẽ thúc đẩy sự độc lập của sinh viên

Schenk (2005) tuyên bố rằng tầm quan trọng ngày càng tăng của máy tính trong môi trường học ngôn ngữ trên toàn cầu và sự hấp dẫn của quyền tự chủ của SV “ít nhất có thể liên quan một phần”. Công nghệ có thể là công cụ hỗ trợ cho phép SV truy cập một lượng lớn nội dung xác thực vì GV, đặc biệt là trong bối cảnh học ngoại ngữ bị hạn chế về khả năng cung cấp tài liệu xác thực và số giờ họ có thể dạy.

Vì công nghệ có thể thúc đẩy việc tự học và nâng cao ý thức trách nhiệm của SV đối với việc học của chính mình nên cho phép SV học tập một cách tự chủ hơn.

Theo Kurtz (2012), công nghệ hiện đại đã tạo ra vô số công cụ và chương trình hữu ích giúp SV tham gia toàn bộ hoặc một phần vào quá trình học tập của mình mà không bị hạn chế về thời gian hay địa điểm. Ngoài ra, công nghệ có thể mang lại cho SV học ngoại ngữ nhiều cơ hội hơn để sử dụng ngôn ngữ theo ngữ cảnh.

Theo Benson (2011), việc tạo ra các chương trình học ngôn ngữ dựa trên công nghệ đã mang lại cho SV cơ hội thực hành ngôn ngữ mục tiêu nhiều hơn và cung cấp cho SV số lượng tài nguyên học tập cần thiết để khuyến khích, hỗ trợ tính tự chủ của SV.

Ví dụ, GV khuyến khích SV sử dụng các trang web như blog để luyện viết. Thông qua blog, SV sẽ có nhiều cơ hội để truyền đạt ý tưởng của mình thông qua việc viết và có thể phát triển kỹ năng viết của mình mà không cảm thấy xấu hổ khi mắc lỗi.

2.4. Phản hồi từ sinh viên

Vào cuối học kỳ năm học 2022 - 2023, một cuộc khảo sát đã được thực hiện để tìm hiểu mức độ hiệu quả mà SV Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cảm nhận về các chiến lược phát huy tính chủ động của SV. Một bảng câu hỏi gồm 10 câu hỏi đã được sử dụng. Mỗi câu hỏi được thực hiện riêng lẻ để đảm bảo SV hiểu rõ câu hỏi. Đối tượng là tất cả SV không chuyên tiếng Anh của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đều đã tham gia học tập trước đó.

Khi nói đến việc sử dụng các chiến lược học tập chủ động, hầu hết tất cả SV đều cho rằng họ thích thú, SV đều coi các chiến lược học tập chủ động là những chiến lược có giá trị. SV cảm thấy mình đã tích cực tham gia vào việc học và có thể nắm bắt kiến thức nội dung tiếng Anh một cách hiệu quả vì chính SV đã hoạch định được mục tiêu học tập của mình. SV tham gia vào quá trình học tập như giám sát liên tục, tự đánh giá, tự phản ánh, đánh giá ngang hàng, tự đánh giá. Những hoạt động thực hành tích cực này giúp SV xây dựng con đường học tập của riêng mình bằng cách giao tiếp một cách vô thức và gián tiếp với SV cũng như chia sẻ quan điểm và kinh nghiệm. Hơn nữa, SV trở nên có trách nhiệm hơn với sự phát triển học tập của mình. SV tin rằng khi tìm ra chiến lược và tự học, sẽ tìm thấy động lực học tiếng Anh và sẽ học hiệu quả hơn.

Chuyên môn của GV trong lớp học đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tính chủ động trong học tập của SV. Tất cả đều đồng ý rằng, SV đã đạt được nhiều hiệu quả nhờ áp dụng phương pháp lấy SV làm trung tâm. Hầu hết các SV tìm thấy động lực trong việc học tiếng Anh. Tuy nhiên, có một số thách thức phải đối mặt khi thực hiện phương pháp này. Một trong những yêu cầu cơ bản của lấy SV làm trung tâm, đó là giao cho SV toàn bộ trách nhiệm về việc học của mình, một số SV chưa sẵn sàng đạt được quyền tự chủ này vì lý do: 1) Tiếng Anh không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ của SV, vì vậy SV mới bắt đầu học có thể cảm thấy khó khăn khi tự học một ngôn ngữ mà họ không quen; 2) Những SV thụ động và được chuẩn bị kém có thể bị bỏ lại phía sau những người năng động và có động lực

hơn. Một thách thức khác là hạn chế về thời gian. SV cho rằng thời gian dành cho các hoạt động sẽ gây tổn hại đến việc đưa tin nội dung và điều này có thể gây ra vấn đề về lâu dài.

Việc đánh giá dựa trên kết quả học tập có thể khiến SV không có động lực để bỏ qua các bài học. Các vấn đề khác như lớp học đông người và phòng học có cơ sở vật chất nghèo nàn cũng được đề cập.

3. Kết luận

Tính chủ động học tập của SV sẽ tối đa hóa kết quả học tập bằng cách nâng cao nhận thức của SV trong việc lựa chọn con đường học tập của riêng mình. Việc chủ động trong học ngoại ngữ vẫn còn khá phổ biến, ngay cả khi gặp một số thách thức trong bối cảnh học ngoại ngữ, chẳng hạn như chương trình giảng dạy theo quy định, học tập dựa trên sách giáo khoa, tài liệu dựa trên bài kiểm tra và quy mô lớp học. Nhiều chiến lược có thể được sử dụng để khuyến khích SV tự định hướng, bao gồm đặt ra các mục tiêu cụ thể, phù hợp, hỗ trợ SV xác định các kỹ thuật học tập hiệu quả nhất, tăng động lực và sử dụng các tiến bộ công nghệ hiện tại. Nhưng tính chủ động không chỉ là để SV tự quyết định học gì và học như thế nào, hay giao mọi quyền hạn và trách nhiệm về việc học của mình. Điều này cũng liên quan đến việc dạy SV cách tận dụng tối đa khả năng học hỏi bẩm sinh của mình. Như vậy, chức năng của các nhà giáo dục vẫn rất quan trọng, đặc biệt trong việc giúp tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thay đổi này. Vì vậy, miễn là GV đưa ra sự chỉ đạo và giám sát cần thiết thì những chiến thuật mới được trình bày sẽ được sử dụng một cách hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Benson, P (2006), Autonomy in language teaching and learning. *Language Teaching*, 40(1), 21-40. Retrieved from <http://dx.doi.org/10.1017/S0261444806003958>.
- [2]. Dam, L., Eriksson, R., Little, D., Miliander, J., & Trebbi, T. (1990). Towards a definition of autonomy. In T. Trebbi (Ed.), *Third Nordic workshop on developing autonomous learning in the FL classroom* (pp. 102-103). Bergen: University of Bergen.
- [3]. Benson, P. (2001), *Teaching and researching autonomy in language learning*. Harlow: Longman.
- [4]. Alonazi, S. M. (2017), The role of teachers in promoting learner autonomy in secondary International Journal of English Language Education ISSN 2325-0887 2018, Vol. 6, No. 2 22 www.macrothink.org/ijele schools in Saudi Arabia. *English Language Teaching*, 10(7), 183 – 202.
- [5]. Smith, R. C. (2008), Learner autonomy (Key concepts in ELT). *ELT Journal*, 62 (4), 395-397.